

Số: 04/BC-CDN

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục nghề nghiệp giai đoạn(2018-2022) tại Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận

Thực hiện Kế hoạch số 13/KH-ĐGS ngày 30/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận và Công văn số 130/SLĐTBOXH-LĐGDNN ngày 18/01/2023 của Sở LĐTB-XH tỉnh về việc “báo cáo thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại cơ sở giáo dục thuộc tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2018-2022”;

Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận báo cáo tình hình thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục nghề nghiệp giai đoạn (2018 - 2022), cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ NINH THUẬN:

Trường Dạy nghề Ninh Thuận (nay là Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận) được thành lập theo Quyết định số 102/2001/QĐ-UB ngày 11/12/2001 của UBND tỉnh trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, thi công xây dựng cơ bản vào đầu năm 2002 và chính thức đi vào hoạt động mở khoá đầu tiên cho năm học 2003 - 2004 vào tháng 10/2003; Tháng 5/2007, trường được chuyển đổi thành Trường Trung cấp nghề Ninh Thuận theo Quyết định số 2145/QĐ-UBND ngày 29/5/2007 của UBND tỉnh; đến tháng 4/2012 nâng cấp thành Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận Quyết định số 442/QĐ-LĐTBOXH ngày 09/4/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Người đứng đầu: **Nguyễn Phan Anh Quốc** - Hiệu Trưởng.

Số lượng cán bộ giáo viên: 109 người trong đó:

Biên chế: 54 người.

Hợp đồng: 55 người.

Cán bộ quản lý: 18 người (kiêm nhiệm giáo viên: 10 người).

II. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC ĐÀO TẠO TỪ NĂM 2018-2022:

1. Quy mô tuyển sinh từ năm 2018-2022:

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 242/2017/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 17/7/2017 của Tổng cục dạy nghề.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 03/2020/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 02/01/2020 của Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp.

- Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 242a/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 10/01/2018 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp.

- Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 03a/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 17/02/2020 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp.

STT	Tên nghề	Năm 2018 (K18)	Năm 2019 (K19)	Năm 2020 (K20)	Năm 2021 (K21)	Năm 2022 (K22)
1	- Nghề Điện công nghiệp	170	170	230	230	230
2	- Nghề KT Máy lạnh và ĐHKK	79	79	130	130	130
3	-Nghề Cơ điện tử	65	65	65	65	65
4	-Nghề Hàn	90	90	60	60	60
5	-Nghề KT xây dựng	150	150	150	150	150
6	-Nghề CN Ô tô	90	90	140	140	140
7	-Nghề Quản trị khách sạn	70	70	140	140	140
8	-Nghề Điện tử công nghiệp	135	135	135	135	135
9	-Nghề Kế toán DN	155	155	155	155	155
10	-Nghề May thời trang	75	75	45	45	45
11	-Nghề Nuôi trồng thủy sản	70	70	70	70	70
12	-Nghề Quản trị mạng máy tính	75	75	75	75	75
13	-Nghề Cắt gọt kim loại	30	30	30	30	30
14	May Công nghiệp	30	30	140	140	140
15	Điện dân dụng	30	30	30	30	30
16	Nghiệp vụ bếp	0	0	0	0	0

17	Chế biến thủy sản	0	0	60	60	60
18	Lắp đặt điện mặt trời áp mái					
19	Điện lạnh	30	30	30	30	30

2. Kết quả giải quyết việc làm cho học viên sau khi học nghề:

- Năm 2018, Nhà trường thực hiện điều tra khảo sát 415/415 HS-SV tốt nghiệp. Số HS-SV trả lời khảo sát là 414 (đạt tỷ lệ 99,8%), trong đó số HS-SV có việc làm là 360/414 (chiếm tỷ lệ 87%), tỷ lệ HS-SV có việc làm phù hợp với nghề/chuyên ngành được đào tạo trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp là 335/360 (đạt tỷ lệ 93,1%).

Tên nghề đào tạo	Có liên quan		Không liên quan		Liên quan một phần		Tổng
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Điện công nghiệp	69	100,0					69
Điện tử công nghiệp	22	91,7			1	9,1	23
Công nghệ ô tô	51	92,7			4	7,3	55
Kỹ thuật xây dựng	16	100,0					16
Hàn	20	100,0	1		1		22
Quản trị mạng máy tính	9	75,0			3	25,0	12
Máy thời trang	40	100,0					40
Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK	30	85,7	1	2,9	4	11,4	35
Quản trị khách sạn	32	100,0					32
Kế toán doanh nghiệp	33	94,3	6	5,7	4		43
Nuôi trồng thủy sản	13	100,0				0	13
Tổng cộng	335	93,1	8	8,6	17	43,7	360

- Năm 2019, Nhà trường thực hiện điều tra khảo sát 447/447 HSSV tốt nghiệp. Số HSSV trả lời khảo sát là 414 (đạt tỷ lệ 92,6%), trong đó số HSSV có việc làm là 350/414 (chiếm tỷ lệ 84,5%), tỷ lệ HSSV có việc làm phù hợp với nghề/chuyên ngành được đào tạo trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp là 309/350 (đạt tỷ lệ 88,3%).

Ngành/ nghề đào tạo	Có liên quan		Không liên quan		Liên quan một phần		Tổng
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Điện công nghiệp	45	90			5	10	50
Điện tử công nghiệp	10	100					10
Công nghệ ô tô	41	82	2	4	7	14	50
Kỹ thuật xây dựng	19	86,4			3	13,6	22
Hàn	18	90			2	10	20
Quản trị mạng máy tính	26	86,7	1	3,3	3	10	30
Máy thời trang	30	100					30
Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK	50	83,3	2	3,3	8	13,3	60
Quản trị khách sạn	31	100					31
Kế toán doanh nghiệp	29	80	3	7,5	5	12,5	40
Nuôi trồng thủy sản	7	100					7
Tổng	309	88,3	8	18,17	33	83,47	350

- Năm 2020, Nhà trường thực hiện điều tra khảo sát 187/187 HSSV tốt nghiệp. Số HS-SV trả lời khảo sát là 186 (đạt tỷ lệ 99,5%), trong đó số HS-SV có việc làm là 160/186 (chiếm tỷ lệ 86%), tỷ lệ HS-SV có việc làm phù hợp với nghề/chuyên ngành được đào tạo trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp là 148/160 (đạt tỷ lệ 92,5%).

Ngành/ nghề đào tạo	Có liên quan		Không liên quan		Liên quan một phần		Tổng
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Điện công nghiệp	32	91,4			3	8,6	35
Điện tử công nghiệp	4	100					4
Công nghệ ô tô	14	100					14
Hàn	2	100					2
Xây dựng	7	100					7
Liên thông Công nghệ ô tô	14	100					14
Cơ điện tử	6	100					6
Kế toán doanh nghiệp	27	81,8	2	6,1	4	12,1	33
Quản trị khách sạn	13	100					13
Nuôi trồng thủy sản	17	100					17
KTML & ĐHKK	7	85			3	15	20
Quản trị máy tính	5	100					5
Tổng	148	92,5	2	6,1	7	35,7	160

- Năm 2021: Tổ chức điều tra khảo sát lần vết 100% HSSV tốt nghiệp năm 2020 số phiếu khảo sát thu về hợp lệ là 287 HSSV (đạt tỷ lệ 100%). Trong

đó, số HSSV có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo là 236 HSSV chiếm tỷ lệ 82,23%. Trong đó, đối với ngành, nghề trọng điểm các cấp độ trung bình đạt 88.41% trở lên.

Số TT	Tên nghề đào tạo	Số HSSV Tốt nghiệp (TN)	Số HSSV TN phản hồi	Số HSSV TN có việc làm phù hợp	Tỷ lệ (%)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)/(3)x100%
1	Điện công nghiệp	51	51	47	92,16
2	Liên Thông điện công nghiệp	25	25	24	96,00
3	Công nghệ ô tô	24	24	18	75,00
4	Liên thông CN ô tô	1	1	1	100,00
5	Cơ điện tử	10	10	6	60,00
6	Kế toán doanh nghiệp	66	66	46	69,70
7	Quản trị khách sạn	42	42	38	90,48
8	Nuôi trồng thủy sản	14	14	10	71,43
9	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	18	18	16	88,89
19	Máy thời trang	18	18	18	100,00
11	Xây dựng	3	3	2	66,67
12	Quản trị mạng máy tính	15	15	10	66,67
Tổng cộng		287	287	236	82,23

3. Việc phối hợp, liên kết với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong đào tạo và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Gắn kết phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp là hết sức quan trọng trong công tác nâng cao chất lượng đào tạo. Việc gắn kết với doanh nghiệp không chỉ cung cấp cho học sinh, sinh viên nơi thực tập mà quan trọng nhất là cơ hội việc làm sau khi ra trường đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Tạo điều kiện cho giáo viên tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp có cơ hội học tập nâng cao trình độ, áp dụng thực tế vào bài giảng trên lớp. Từ năm 2018 đến năm 2022 Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận có hơn 2000 học sinh, sinh viên, học viên tham gia thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Đối với giảng viên đi thực tập thực tế tại doanh nghiệp là hơn 80 người.

- Hình thức hợp tác với doanh nghiệp của Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận: Xây dựng chương trình đào tạo, thực tập doanh nghiệp đối với giáo viên, thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp đối với học sinh, sinh viên...).

- *Mô hình gắn kết hiệu quả, bền vững:*

+ Đào tạo cho công nhân ngay tại doanh nghiệp, doanh nghiệp nhận 100% người học sau khi tốt nghiệp: Công ty TNHH Chế biến Thủy Sản Thông Thuận, Công ty cổ phần May Tân Tiến, Công ty May Tiến Thuận, ...

+ Đưa sinh viên năm cuối các nghề Điện công nghiệp, KT máy lạnh và Điều hòa không khí, Nuôi trồng thủy sản, ... đi thực tập tại các công ty lớn, công ty cam kết nhận các em vào làm sau khi tốt nghiệp: Công ty cổ phần xây lắp Phúc An, Công ty LiLaMa 18, LiLaMA18.1, Công ty May Hoa In, Khách sạn Hoàn Mỹ, AMANOI...

4. Việc biên soạn chương trình, giáo trình:

Trong 04 năm (2018-2022), Nhà trường thực hiện cập nhật, chỉnh sửa chương trình vào các năm 2019, 2022, để phù hợp với thực tế với 12 nghề trình độ cao đẳng, 16 nghề trình độ trung cấp và 13 nghề trình độ sơ cấp.

- Về chương trình đào tạo:

TT	Tên chương trình đào tạo	Trình độ đào tạo	Quyết định phê duyệt năm 2019	Quyết định phê duyệt năm 2022	Ghi chú		
1	Điện công nghiệp	Cao đẳng	194/QĐ- CDN ngày 02/10/2019	210/QĐ- CDN ngày 20/08/2022			
		Trung cấp					
2	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng					
		Trung cấp					
3	Cơ điện tử	Cao đẳng					
		Trung cấp					
4	Quảng trị mạng	Cao đẳng					
		Trung cấp					
5	Công nghệ Ôtô	Cao đẳng					
		Trung cấp					
6	Hàn	Cao đẳng					
		Trung cấp					

7	Cắt gọt kim loại	Trung cấp			
8	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ	Cao đẳng			
		Trung cấp			
9	Quản trị khách sạn	Cao đẳng			
		Trung cấp			
10	Kế Toán doanh nghiệp	Cao đẳng			
		Trung cấp			
11	Máy Thời trang	Trung cấp			
12	Máy công nghiệp	Sơ cấp	195/QĐ- CDN ngày 03/10/2019		
13	Điện dân dụng	Sơ cấp			
14	Sửa chữa xe máy	Sơ cấp			
15	Sửa chữa, lắp ráp máy tính	Sơ cấp			
16	Nghiệp vụ nhà hàng	Sơ cấp			
17	Tiện	Sơ cấp			
18	Lái xe ô tô các hạng B,C,D (nâng hạng B2 lên D)	Sơ cấp			
19	Chế biến thủy sản	Sơ cấp			

- Về giáo trình:

TT	Năm	2018		2019		2020		2021		2022	
		Trình độ	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ
1	Điện công nghiệp + Điện dân dụng	42	32	31	21	31	21	31	21	31	21
2	Điện tử công nghiệp	24	15	30	20	30	20	30	20	30	20
3	Hàn	23	14	31	18	31	18	31	18	31	18
4	Công nghệ ô tô	26	15	28	17	28	17	28	17	28	17
5	Máy thời trang		11		19		19		19		19
6	KT Xây dựng	22	14	26	15	26	15	26	15	26	15
7	KTML&ĐHKK	25	14	22	16	22	16	22	16	22	16
8	Kế toán doanh nghiệp	25	11	30	18	30	18	30	18	30	18
9	Quản trị mạng MT	34	10	32	13	32	13	32	13	32	13
10	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nl	37	15	36	14	36	14	36	14	36	14
11	Quản trị khách sạn	27	11	39	16	39	16	39	16	39	16

12	Điện công nghiệp+Liên thông			13		13		13		13	
13	Công nghệ ô tô+Liên thông			11		11		11		11	
14	Điện tử công nghiệp + liên thông			10		10		10		10	
15	Cắt gọt kim loại		16								
16	Cơ điện tử	32	14	32	21	32	21	32	21	32	21
Tổng cộng		317	192	371	208	371	208	371	208	371	208

5. Tổ chức và quản lý đào tạo:

a) Kết quả đào tạo

Trong 04 năm (2018-2022), Nhà trường tổ chức đào tạo cho 7.972 người học nghề. Trong đó, trình độ cao đẳng nghề: 2.154 sinh viên, trình độ trung cấp nghề: 1.317 học sinh, trình độ sơ cấp: 4.501 học viên.

b) Kết quả kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp cho người học nghề.

- Việc xây dựng, ban hành nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp của Nhà trường:

Trên cơ sở Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề hệ chính quy, Nhà trường đã cụ thể hóa Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề hệ chính quy của trường được ban hành kèm theo Quyết định số 257/2012/QĐ-CĐN ngày 25/9/2012 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận;

- Kết quả thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp cho người học nghề:

TT	Năm	2018		2019		2020		2021		2022	
		CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC
1	Điện công nghiệp	42	35	34	47	37	02	48	03	53	65
2	Điện tử công nghiệp	16	09	07	04	06	0	0	0	05	17
3	Hàn	14	13	14	10	02	0	0	0	0	07
4	Công nghệ ô tô	18	46	32	30	17	0	24	0	25	50
5	Máy thời trang	0	52	0	36	0	0	0	18	0	10
6	KT Xây dựng	12	06	27	0	08	0	0	03	07	04

TT	Năm	2018		2019		2020		2021		2022	
	Trình độ	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC
7	KTML&ĐHKK	12	32	24	40	22	0	18	0	17	39
8	Kế toán doanh nghiệp	51	0	54	0	41	0	66	0	32	09
9	Quản trị mạng MT	12	01	17	27	09	01	07	08	12	07
10	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nl	15	0	10	0	11	0	14	0	09	0
11	Quản trị khách sạn	37	0	40	0	16	0	42	0	27	30
12	Cơ điện tử	0	0	0	0	06	0	10	0	0	07
13	Điện công nghiệp-Liên thông	0	0	0	0	0	0	25	0	02	0
14	CN Ô tô-Liên thông	0	0	0	0	14	0	01	0	0	0
15	Kế toán doanh nghiệp-Liên thông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	229	194	259	194	189	3	255	32	189	245

6. Hoạt động liên kết, liên thông với các cơ sở khác:

Từ năm 2020-2022 Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận liên kết với Trường Đại học Nha Trang và Trường Đại Học Xây Dựng Miền Trung liên thông từ cao Đẳng lên Đại học như sau:

Năm	Nghề	Số lượng	Trình độ đào tạo	Ghi chú
2020	Điện - Điện tử	32	Đại học	
	Tổng 2020	32		(đã tốt nghiệp)
2021	Kỹ thuật cấp thoát nước	36	Đại học	
	Tổng 2021	36		
2022	Điện – Điện tử	32	Đại học	
	Tổng 2022	34		

7. Đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị (Nguồn Trung ương, địa phương, ODA, nguồn khác).

7.1 Giai đoạn 2018-2020: Nhà trường được đầu tư xây dựng Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe thuộc dự án Trường Cao đẳng nghề tỉnh Ninh Thuận (giai đoạn 2) được phê duyệt tại Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày

28/10/2013 của UBND tỉnh với tổng mức đầu tư 145.458 triệu đồng, trong đó: Vốn nước ngoài 115.484 triệu đồng (gồm vốn tài trợ thiết bị của CHLB Đức 51.061 triệu đồng và vốn đầu tư trang thiết bị và xây dựng Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe của A Rập Xê Út 64.423 triệu đồng), vốn đối ứng do ngân sách địa phương bố trí 29.975 triệu đồng. Dự án đầu tư giai đoạn 2 gồm 08 gói thầu, cụ thể:

Trong các gói thầu của giai đoạn 2, Kiểm toán Nhà nước đã kiểm tra 03 gói thầu thiết bị của nguồn vốn ODA CHLB Đức. Thanh tra tiếp tục kiểm tra các gói thầu còn lại của nguồn vốn ODA quỹ A Rập Xê Út.

7.2. Giai đoạn 2021-2025 Trường được Đầu tư và phát triển Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận thành Trường chất lượng cao đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

Nguồn vốn của dự án: Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp cụ thể: Tổng mức đầu tư của dự án: **71.862.106.617 đồng** (Bằng chữ: Bảy mươi một tỷ, tám trăm sáu mươi hai triệu, một trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm mười bảy đồng), trong đó:

Chi phí xây dựng:	4.175.313.019	đồng
Chi phí thiết bị sau thuế:	56.611.130.000	đồng
Chi phí quản lý dự án:	1.125.985.966	đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.400.651.721	đồng
Chi phí khác:	582.313.346	đồng
Chi phí đào tạo, chương trình giáo trình, chuyển đổi số:	7.055.000.000	đồng
Chi phí dự phòng:	911.712.564	đồng

8. Mức thu học phí, thực hiện chính sách ưu đãi, miễn giảm học phí:

Mức thu học phí được ban hành theo Quyết định số 69/2016/QĐ-UBND ngày 29/09/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Nhà trường đã thu học phí đúng theo mức quy định của các ngành nghề của từng năm học, miễn giảm đúng đối tượng và không thu thêm bất cứ khoản nào với bất kỳ hình thức nào. Đồng thời, theo quy định hiện hành, HSSV thuộc đối tượng miễn, giảm học phí sẽ thực hiện miễn giảm trực tiếp tại trường nên giúp các em và phụ huynh không lo khoản tiền đóng học phí. Năm học 2022-2023 Nhà trường giữ nguyên mức thu học phí theo năm học 2021-2022.

9. Chính sách học bổng cho sinh viên, học sinh: người/kinh phí.

STT	Năm học	Học bổng khuyến khích học tập (10%) (VNĐ)	Học bổng chính sách Nội trú (VNĐ)	Học bổng nghèo vượt khó vận động tài trợ (VNĐ)	Ghi chú
1	2018	607.470.000	332.774.000		
2	2019	581.250.000	485.488.000		
3	2020	573.565.000	588.132.000	10.000.000	
4	2021	673.016.332	1.001.920.000	67.000.000	
5	2022	679.962,000	997.400.000	47.000.000	

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm sự giúp đỡ, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Ủy ban nhân dân Tỉnh, Sở Lao động thương binh và xã hội , phòng Quản lý Dạy nghề Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

- Chương trình đào tạo được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp điều chỉnh, mở rộng phù hợp với nhu cầu người học, tạo điều kiện cho Trường mở rộng quy mô lĩnh vực hoạt động.

- Đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình, đạt chuẩn về trình độ (Tốt nghiệp từ đại học trở lên) thường xuyên được tập huấn nâng cao trình độ kỹ năng nghề được bổ sung tăng cường hàng năm.

- Nhận thức của nhân dân về công tác đào tạo nghề đã có sự chuyển biến tích cực nên ngày càng đông viên định hướng cho con em vào học nghề nhiều hơn.

- Mối quan hệ giữa Nhà trường và các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh ngày càng được củng cố và mở rộng tạo điều kiện thuận lợi trong việc giải quyết việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường.

- Nhà trường đã đưa vào hoạt động cơ sở 1 với nhiều trang thiết bị máy móc dạy học được bổ sung, tăng cường từ các chương trình mục tiêu quốc gia về dạy nghề.

2. Khó khăn:

- Cơ sở vật chất trang thiết bị mặc dù đã được đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng so với lưu lượng học sinh sinh viên hàng năm, các phòng học lý thuyết vẫn thiếu bàn ghế phải học ghép lớp, các xưởng thực hành còn thiếu thiết bị trong thực tập rèn luyện kỹ năng nghề.

- Đối tượng vào học ở Trường đa dạng, phức tạp, trình độ không đồng đều nên phần nào có ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả đào tạo;

- Một số sinh viên vừa làm vừa học nên gặp một số khó khăn nhất định trong việc chấp hành nội quy Nhà trường như vắng học, đi trễ, không đồng phục... ;

- Nhận thức của người dân có chuyển biến nhưng chưa mạnh mẽ, dẫn đến số lượng tham gia học nghề chưa cao;

- Một số nghề được đầu tư, là nghề trọng điểm, nhu cầu thị trường lao động cần nhưng khó tuyển như nghề Cắt gọt kim loại, Cơ điện tử, Hàn, Xây dựng....

- Việc đào tạo chương trình 9+ cho HS tốt nghiệp lớp 9 học nghề còn nhiều khó khăn.

3. Bài học kinh nghiệm:

- Hòa hòa giữa nhiệm vụ giảng dạy và nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ áp dụng trong giảng dạy.

- Phối hợp chặt chẽ giữa Khoa, phòng công tác sinh viên và gia đình trong việc quản lý, giáo dục học sinh sinh viên.

IV. GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

Để thực hiện tốt hơn công tác đào tạo và giải quyết việc làm, Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận kiến nghị như sau:

- Đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức nhiều hơn các đợt tư vấn, hướng nghiệp nhằm định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin về những ngành nghề đào tạo cho HS lớp 9 nhằm thực hiện tốt chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước là phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở. Đặc biệt ban hành văn bản quy định cụ thể về việc đào tạo kép song song 2 chương trình vừa học nghề vừa học văn hóa chương trình GDTX;

- Đề nghị các sở, ngành khuyến khích các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng lao động qua đào tạo để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh - PCI.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về vấn đề đào tạo nghề, giải quyết việc làm tại Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận từ năm 2018 - 2022. Nhà trường kính báo cáo Đoàn giám sát HĐND Tỉnh Ninh Thuận biết, quan tâm và chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Đoàn GS HĐND tỉnh;
- Sở LĐTBXH;
- BGH;
- Các phòng, khoa, TT;
- Lưu: VT, ĐT&ĐN.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Phan Anh Quốc